

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/DS-ST

Ngày: 25/9/2024

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Pép Êban

2. Ông Nguyễn Thế Vinh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST-DS ngày 01/8/2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Nữ Hải H, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Lý

Trú tại: Số A H, Tp B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- *Đồng bị đơn:* Bà Phan Thị Trà U, sinh năm 1989 và bà Vũ Thị P, sinh năm 1964

Đều trú tại: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 23/02/2023 và ngày 03/4/2023 bà Bùi Nữ Hải H có cho bà U và bà P vay số tiền gốc là 1.300.000.000đ (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*), không tính lãi suất. Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Cụ thể như sau:

- Vào ngày 22/02/2023 bà H có cho bà Phan Thị Trà U vay số tiền 900.000.000đ (*Chín trăm triệu đồng*), khi vay có viết giấy vay tiền và hẹn đến ngày 24/02/2023 sẽ trả lại số tiền trên cho bà H. Nhưng đến hạn trả nợ bà U không chịu trả nợ, cho đến khoảng tháng 4/2023 thì bà U mới trả cho bà H được số tiền gốc 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Số nợ còn lại là 450.000.000 đồng.

Sau ngày trả nợ khoảng 02 ngày (không nhớ cụ thể) bà U tiếp tục vay lại số tiền 400.000.000 đồng gốc, không viết lại giấy vay tiền. Hẹn khoảng 01 tuần sẽ trả nợ, nhưng bà U không trả nợ. Do đó số tiền mà bà U còn nợ bà H số tiền tổng cộng 850.000.000đ (*Tám trăm năm mươi triệu đồng*).

- Vào ngày 03/04/2023 bà Vũ Thị P có vay của bà H số tiền 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*), có viết giấy vay tiền, hẹn đến ngày 05/4/2023 sẽ trả tiền cho bà H, nhưng đến hạn trả tiền bà P không trả tiền cho bà H là vi phạm cam kết trả nợ.

Đến nay bà U và bà P không trả tiền cho bà H. Bà H đã rất nhiều lần đến nhà bà U và bà P để yêu cầu bà U và bà P trả lại số tiền trên cho bà H nhưng bà U và bà P không chịu trả tiền. Sau đó bà H tiếp tục gọi điện thoại cho bà U nhưng không liên lạc được và né tránh. Cho đến nay vẫn chưa trả tiền cho bà H. Khi vay tiền thì bà P có nói nếu con tôi (bà U) không trả tiền thì tôi chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H số tiền con tôi đã vay.

Do bà U và bà P không trả nợ đúng hạn nên phải tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Vì vậy, bà H làm đơn khởi kiện này yêu cầu Toà án nhân dân huyện Cư Kuin giải quyết:

- Buộc bà Phan Thị Trà U và bà Vũ Thị P phải trả cho bà H số tiền: 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*). Trong đó số tiền nợ của bà U là 850.000.000 đồng gốc, với lãi suất 10%/năm kể từ ngày bà U vi phạm nghĩa vụ trả nợ (tháng 4/2023) cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Và số tiền bà P nợ gốc là 450.000.000 đồng với lãi suất 10%/năm kể từ ngày bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 05/4/2023) cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Và đề nghị Toà án buộc bà Phan Thị Trà U và bà Vũ Thị P phải trả lãi cho bà H cho đến khi trả hết nợ.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Phan Thị Trà U trình bày:*

Tôi và bà H có mối quan hệ là chị em quen biết nhau, nên tôi có vay tiền bà Bùi Nữ Hải H rất nhiều lần cho đến ngày 23/02/2023 hai bên ngồi nói bàn bạc thống nhất chốt nợ, thì tôi còn nợ chị Bùi Nữ Hải H với số tiền 900.000.000đ (*Chín trăm triệu đồng chẵn*), và có viết giấy biên nhận nợ số tiền nêu trên, trong 900.000.000 đồng thì bà H nói của bà H là 400.000.000 đồng nên tính lãi suất là 1.500đồng/ngày/triệu tính từ ngày 23/02/2023. Tôi và bà H không hẹn ngày trả nợ, cứ 10 ngày tôi chuyển trả tiền lãi suất 01 lần (khoảng mười mấy triệu không nhớ rõ).

Đối với số tiền 500.000.000 đồng còn lại thì bà H nói vay của người ta nên tính lãi suất 2.000 đồng/ngày/triệu cũng tính từ ngày 23/02/2023. Do làm ăn thất bại nên tôi chưa có tiền trả nợ cho bà H mặc dù bà H đã đến đòi nợ tôi rất nhiều lần, lần đầu tiên là khoảng tháng 6/2023. Nay bà H khởi kiện thì tôi có ý kiến cho tôi thời gian làm ăn trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Vũ Thị P trình bày:*

Tôi đang đi làm rẫy, thì con tôi (U) nói đến nhà bà Bùi Nữ Hải H ký giấy vay tiền dùm con tôi, nên tôi đến ký giấy vay tiền do bà H đưa, còn tiền bạc như thế nào thì giữa bà H và con tôi chứ tôi không biết. Theo con tôi cho biết là tiền thì bà H đã chuyển khoản cho U số tiền 450.000.000 đồng, ngày viết giấy vay tiền là ngày 03/4/2023.

Thực tế là tôi không vay tiền của bà H mà do con tôi vay, nay bà H khởi kiện đòi tôi số tiền 450.000.000 đồng là quá oan ức nên tôi không đồng ý trả nợ. Mà số tiền này thì bà H đòi con tôi (Phan Thị Trà U) mới đúng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 467 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Nữ Hải H.

- Buộc bà Phan Thị Trà U phải trả nợ cho bà Bùi Nữ Hải H số tiền 850.000.000 đồng gốc và lãi suất 10%/năm.

- Buộc bà Vũ Thị P phải trả nợ cho bà Bùi Nữ Hải H số tiền 450.000.000 đồng gốc và lãi suất 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Bùi Nữ Hải H khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Trà U và bà Vũ Thị P phải trả số tiền 1.300.000.000 đồng là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, đồng bị đơn bà Phan Thị Trà U và bà Vũ Thị P có nơi cư trú tại thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã được tổng đạt các văn bản tố tụng và đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Phan Thị Trà U và bà Bùi Nữ Hải H có cho bà U vay tiền nhiều lần, theo cách thức vay xong rồi trả; trả xong lại vay. Cho đến ngày 22/02/2023 bà H và bà U ngồi thỏa thuận chốt lại các khoản nợ thì hai bên thống nhất bà Phan Thị Trà U còn nợ bà H số tiền 900.000.000đ (*Chín trăm triệu đồng*), và viết giấy vay tiền và hẹn đến ngày 24/02/2023 sẽ trả lại số tiền trên cho bà H. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Đến hạn trả nợ bà U không chịu trả nợ, cho đến khoảng tháng 4/2023 thì bà U mới trả cho bà H được số tiền gốc 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Số nợ còn lại là 450.000.000 đồng không trả. Sau ngày trả nợ khoảng 02 ngày bà U tiếp tục vay lại số tiền 400.000.000 đồng gốc, không viết lại giấy vay tiền. Hạn khoảng 01 tuần sẽ trả nợ, nhưng bà U không trả nợ. Do đó bà H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà U phải trả số tiền gốc là 850.000.000đồng là đúng thực tế được bà U thừa nhận, nhưng do làm ăn thất bại nên xin trả dần. HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà U là có căn cứ nên cần chấp nhận.

- Đối khoản vay vào ngày 03/4/2023 bà Bùi Nữ Hải H có cho bà Vũ Thị P vay số tiền 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*), khi vay hai bên có viết giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của bà Vũ Thị P bên vay tiền, hạn đến ngày 05/4/2023, không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả tiền bà P không trả tiền cho bà H, vì lý do bà Vũ Thị P cho rằng bà P không vay tiền của bà H mà người vay tiền là bà Phan Thị Trà U. Bà P chỉ là người ký xác nhận vào giấy vay tiền thay cho bà U, nay bà H khởi kiện đòi bà P trả nợ thì bà P không đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy bà Vũ Thị P là có năng lực hành vi dân sự và là người ký xác nhận vào bên vay tiền của bà Bùi Nữ Hải H nên bà phải chịu nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Việc bà khai nại cho rằng bà U là người vay tiền và bà ký thay cho bà U nhưng phía bà H không đồng ý, còn bà P không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời khai nại của bà là có căn cứ nên HĐXX không thể chấp nhận. Còn giữa bà P và bà U có mối quan hệ là mẹ con, khi bà trả nợ cho bà H xong thì bà có quyền khởi kiện yêu cầu bà U phải hoàn trả lại tiền cho bà nếu thấy cần thiết.

Về lãi suất: Các bên khai không thống nhất, phía bà H cho rằng khi vay không thỏa thuận lãi suất, còn phía bà U cho rằng có thỏa thuận lãi suất với mức lãi suất 1.500 đồng/triệu/ngày (có khoản thì 2.000 đồng/triệu/ngày). Theo quy định của điều 468 BLDS thì lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn nêu trên.

- Mức lãi suất khoản vay 850.000.000 đồng tính từ ngày 30/4/2023 đến ngày 25/9/2024 là 510 ngày

$(850.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 510 \text{ ngày}) : 30 = 120.416.000 \text{ đồng (làm tròn)}$

- Mức lãi suất khoản vay 450.000.000 đồng tính từ ngày 05/4/2023 đến ngày 25/9/2024 là 533 ngày

$(450.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 533 \text{ ngày}) : 30 = 66.875.000 \text{ đồng}$

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Nữ Hải H, buộc bà Phan Thị Trà U phải trả nợ cho bà H số tiền gốc 850.000.000 đồng và 120.416.000 đồng lãi suất; và buộc bà Vũ Thị P phải trả nợ cho bà Bùi Nữ Hải H số tiền gốc 450.000.000 đồng và lãi suất 66.875.000 đồng.

[4] Về án phí: Bà Phan Thị Trà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Vũ Thị P là người cao tuổi nên được miễn án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466; 467 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm d điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Nữ Hải H.

- Buộc bà Phan Thị Trà U phải trả nợ cho bà Bùi Nữ Hải H số tiền 850.000.000 đồng gốc và 120.416.000 đồng lãi suất. Tổng cộng là 970.416 000 đồng (*Chín trăm bảy mươi triệu, bốn trăm mười sáu ngàn đồng chẵn*)

- Buộc bà Vũ Thị P phải trả nợ cho bà Bùi Nữ Hải H số tiền 450.000.000 đồng gốc và 66.875.000 đồng lãi suất. Tổng cộng là 516.875.000 đồng (*Năm trăm mười sáu triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS 2015

Về án phí:

Bà Phan Thị Trà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 41.112.000 đồng (làm tròn).

Bà Vũ Thị P là người cao tuổi nên được miễn án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho bà Bùi Nữ Hải H số tiền 30.780.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0006653 ngày 24/7/2024 và số tiền 1.450.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0006688 ngày 29/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đồng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- THA huyện Cư Kuin
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ LỢI